

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG
MIỀN BẮC

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2009

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIÊM TOÁN VIÊN	3 - 4
BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đoàn Quang Vinh	Chủ tịch
Ông Trần Trọng Hữu	Thành viên
Ông Phạm Tô Văn	Thành viên
Ông Đoàn Trúc Lâm	Thành viên
Ông Đỗ Tân	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23/11/2009)
Ông Nguyễn Chí Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23/11/2009)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Trọng Hữu	Tổng Giám đốc
Ông Chu Đình Chí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Trúc Lâm	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 07/07/2009)
Ông Nguyễn Chí Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 04/08/2009)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

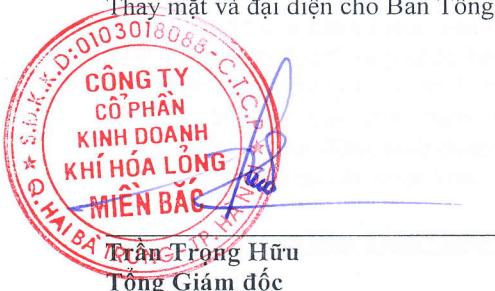
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Trọng Hữu
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2010

Số: 121 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ vấn đề được trình bày dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Như trình bày tại Thuỷết minh số 13 của Thuỷết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đã tạm ghi nhận dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn cho khoản đầu tư vào Công ty Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí Việt Nam tại ngày 31/12/2009 với số tiền 10 tỷ VND (31/12/2008: 0 VND). Theo báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí Việt Nam, giá trị khoản dự phòng Công ty cần trích lập ước tính tại ngày 31/12/2009 vào khoảng 12,9 tỷ VND (31/12/2008: 12,36 tỷ VND). Giá trị của khoản dự phòng đầu tư tài chính Công ty phải ghi nhận tại ngày 31/12/2009 có thể thay đổi trọng yếu khi Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí Việt Nam hoàn thành báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo luật định. Tại ngày báo cáo này, chúng tôi không được cung cấp báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 và 31/12/2008 để làm cơ sở xác định tính đầy đủ của khoản dự phòng trình bày ở trên. Do hạn chế nêu trên, chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn và các khoản mục khác có liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 và 31/12/2008.

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN (Tiếp theo)

Ý kiến ngoại trừ

Ngoại trừ các điều chỉnh cần thiết liên quan tới việc ghi nhận khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như trình bày ở trên, theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Hoàng Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0145/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 3 năm 2010
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Lan Hương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0898/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2009

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TAI SAN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		681.405.277.826	510.442.755.284
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	280.332.699.511	173.138.817.308
1. Tiền	111		38.550.366.427	24.904.686.147
2. Các khoản tương đương tiền	112		241.782.333.084	148.234.131.161
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		450.000.000	77.200.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	450.000.000	77.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		318.022.921.150	202.642.020.312
1. Phải thu khách hàng	131		292.251.323.942	158.252.557.856
2. Trả trước cho người bán	132		15.931.531.905	28.771.646.286
3. Các khoản phải thu khác	135	7	14.388.191.019	17.691.651.254
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(4.548.125.716)	(2.073.835.084)
IV. Hàng tồn kho	140		61.286.594.492	34.484.873.181
1. Hàng tồn kho	141	8	61.286.594.492	34.484.873.181
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.313.062.673	22.977.044.483
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.958.194.575	589.285.091
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.047.929.509	11.518.214.936
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		3.176.133.450	2.483.100.500
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	2.130.805.139	8.386.443.956
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		358.373.375.555	304.699.454.577
I. Tài sản cố định	220		144.777.437.947	73.000.191.194
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	121.802.720.819	16.707.076.322
- Nguyên giá	222		182.618.058.956	67.119.955.630
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.815.338.137)	(50.412.879.308)
2. Tài sản cố định vô hình	227		198.710.066	192.267.198
- Nguyên giá	228		571.236.370	483.736.370
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(372.526.304)	(291.469.172)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	22.776.007.062	56.100.847.674
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	80.698.924.800	111.198.924.800
1. Đầu tư dài hạn khác	258		90.698.924.800	111.198.924.800
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(10.000.000.000)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		132.897.012.808	120.500.338.583
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	131.893.810.560	118.414.381.601
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	80.336.406
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.003.202.248	2.005.620.576
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.039.778.653.381	815.142.209.861

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31/12/2009

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		729.701.418.628	520.335.667.582
I. Nợ ngắn hạn	310		579.787.063.505	229.264.326.809
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	150.000.000.000	-
2. Phải trả cho người bán	312		397.572.328.748	203.754.460.200
3. Người mua trả tiền trước	313		16.085.784.024	460.058.228
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	3.350.203.592	844.465.998
5. Phải trả người lao động	315		7.172.101.586	979.994.055
6. Chi phí phải trả	316		838.970.176	1.835.125.050
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	4.767.675.379	21.390.223.278
II. Nợ dài hạn	330		149.914.355.123	291.071.340.773
1. Phải trả dài hạn khác	333	17	56.354.713.185	47.675.799.415
2. Vay dài hạn	334	18	93.000.000.000	243.000.000.000
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		559.641.938	395.541.358
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		310.077.234.753	294.806.542.279
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	308.493.321.907	294.806.542.279
1. Vốn điều lệ	411		266.170.000.000	266.170.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.717.060.000	19.717.060.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		412.309.852	412.309.852
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		412.309.852	412.309.852
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		21.781.642.203	8.094.862.575
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.583.912.846	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.583.912.846	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.039.778.653.381	815.142.209.861



Trần Trọng Hữu
 Tổng Giám đốc

Phạm Thị Diệu Thúy
 Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 3 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2009	2008
1. Doanh thu bán hàng	01		1.540.365.937.783	1.294.065.702.875
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.648.673.985	34.327.273
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	20	1.538.717.263.798	1.294.031.375.602
4. Giá vốn hàng bán	11		1.389.616.970.111	1.231.927.521.050
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		149.100.293.687	62.103.854.552
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	40.412.520.836	47.515.983.121
7. Chi phí tài chính	22	22	36.818.980.809	11.995.884.985
8. Chi phí bán hàng	24		96.246.843.788	71.740.936.016
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.924.383.035	17.499.067.989
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		27.522.606.891	8.383.948.683
11. Thu nhập khác	31		770.831.207	2.810.770.913
12. Chi phí khác	32		21.894.359	2.305.033.336
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		748.936.848	505.737.577
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		28.271.543.739	8.889.686.260
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.664.913.642	1.084.260.298
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		26.606.630.097	7.805.425.962
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23		1.000
				444



Phạm Thị Diệu Thúy
 Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 3 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TÈ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2009	2008
I. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	28.271.543.739	8.889.686.260
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	02	27.797.084.308	19.709.986.945
Các khoản dự phòng	03	12.474.290.632	(2.080.590.779)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	338.055.918	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(39.858.903.000)	(46.647.884.218)
Chi phí lãi vay	06	6.689.532.030	-
3. <i>Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	35.711.603.627	(20.128.801.792)
(Tăng) các khoản phải thu	09	(112.255.413.145)	(15.322.230.896)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(26.801.721.311)	(11.980.196.820)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	207.864.481.681	(103.795.573.885)
Giảm chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	2.328.344.220	32.835.362.881
Chi phí lãi vay đã trả	13	(7.092.005.026)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(210.070.529)	(4.979.058.675)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.350.476.469)	(96.692.339.488)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	96.194.743.048	(220.062.838.675)
II. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(122.282.635.945)	(87.525.194.729)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(23.449.328.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	97.250.000.000	-
4. Lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	43.488.000.600	42.782.872.777
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	18.455.364.655	(68.191.649.952)
III. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	150.887.060.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	93.000.000.000
3. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.456.225.500)	(5.174.182.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(7.456.225.500)	238.712.878.000
<i>Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền trong năm</i>	50	107.193.882.203	(49.541.610.627)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	173.138.817.308	222.680.427.935
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	280.332.699.511	173.138.817.308



Trần Trọng Hữu
 Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất


 Phạm Thị Diệu Thúy
 Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc, trước đây là Công ty Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc, được thành lập theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0103018088 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25/06/2007 và các Giấy phép điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 07/01/2009.

Công ty Mẹ của Công ty là Tổng Công ty Khí Việt Nam, nắm giữ 73,75% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31/12/2009 là 289 (31/12/2008: 248).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty và các công ty con bao gồm:

- Kinh doanh khí hóa lỏng và các sản phẩm khí;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ kiện kho bãi, trạm chiết nạp khí hóa lỏng;
- Dịch vụ vận tải khí hóa lỏng;
- Tư vấn, thiết kế, đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy thiết bị và các dịch vụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh gas;
- Đào tạo lao động kỹ thuật ngành gas (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; và
- Đại lý, mua bán, ký gửi hàng hóa.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là kinh doanh khí hóa lỏng và các sản phẩm dầu khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15/10/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI (Tiếp theo)**

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Nếu áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 sẽ tăng 338.055.918 VND và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2009 sẽ giảm một khoản tương ứng. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng VAS 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Công ty và các công ty con.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty con trong Công ty được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	4 - 22
Máy móc, thiết bị	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 9
Phương tiện vận tải	6 - 12
Tài sản khác	4 - 7

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình liên quan đến phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 - 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản góp vốn dài hạn vào các tổ chức kinh tế khác mà Công ty không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư này được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được trích lập theo các quy định hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước cho giá trị bình gas đã đưa vào sử dụng, tiền thuê đất và các chi phí trả trước dài hạn khác.

Giá trị bình gas đưa vào sử dụng được phân bổ trong 10 năm. Nguyên giá bình gas mua vào bao gồm chi phí mua bình gas và các chi phí liên quan khác để bình gas ở trạng thái sẵn sàng đưa vào sử dụng.

Tiền thuê đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê vào giá trị tài sản cố định xây dựng trên lô đất trong thời gian xây dựng và vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm kể từ khi tài sản xây dựng ở trạng thái sẵn sàng đưa vào sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, các chi phí tiếp thị, quảng cáo phát sinh và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng phù hợp với các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Tiền nhận được từ ký quỹ vỡ bình gas được phân bổ vào thu nhập theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận được phân phối theo quyết định của Đại hội Cổ đông và phù hợp với quy định hiện hành.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 31/12/2009, Công ty có khoản lỗ tính thuế có thể mang sang để bù trừ vào phần lợi nhuận chịu thuế của các năm tiếp theo và các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Tuy nhiên, tại ngày 31/12/2009, Công ty không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế này cũng như các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ do không chắc chắn được về lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN BẮC

Lầu 5, 6 Tòa nhà 59 Quang Trung
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tiền mặt	2.650.515.922	1.734.708.540
Tiền gửi ngân hàng	35.899.850.505	23.169.977.607
Các khoản tương đương tiền	241.782.333.084	148.234.131.161
	280.332.699.511	173.138.817.308

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tiền gửi có kỳ hạn		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	450.000.000	17.200.000.000
Ủy thác quản lý vốn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (*)	-	60.000.000.000
	450.000.000	77.200.000.000

(*) Khoản ủy thác đầu tư không chỉ định mục đích cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với lãi suất cố định 13%/năm, đã đáo hạn vào ngày 06/05/2009.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Lãi tiền gửi và đầu tư khác dự thu	3.195.056.547	6.824.154.147
Cỗ tức dự thu - Công ty CP Phân phối Khí thấp áp	9.900.000.000	9.900.000.000
Cỗ tức dự thu - Công ty CP Gas Đô thị	-	688.500.000
Chênh lệch giá LPG được hưởng từ PVGAS South	554.250.000	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ chưa kê khai	331.782.355	-
Khác	407.102.117	278.997.107
	14.388.191.019	17.691.651.254

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Nguyên liệu, vật liệu	529.612.112	561.934.903
Công cụ, dụng cụ	19.004.317.796	20.543.850.250
Hàng hóa	41.752.664.584	13.379.088.028
	61.286.594.492	34.484.873.181

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

9. TÀI SẢN NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	872.122.386
Ký quỹ mở thư tín dụng nhập khẩu	1.330.055.856	6.752.260.940
Tạm ứng	800.749.283	762.060.630
	2.130.805.139	8.386.443.956

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng
VND	VND	VND	VND	VND	VND

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 01/01/2009	53.751.268.411	1.208.168.767	9.057.178.304	2.037.607.262	1.065.732.886	67.119.955.630
Mua mới trong năm	328.941.399	600.486.324	14.576.800	358.174.723	358.212.600	1.660.391.846
XDCB hoàn thành	40.898.332.873	66.589.366.559	-	-	6.322.012.048	113.809.711.480
Điều chỉnh khác	(218.472.095)	739.658.017	246.472.095	(148.956.615)	(590.701.402)	28.000.000
Tại ngày 31/12/2009	94.760.070.588	69.137.679.667	9.318.227.199	2.246.825.370	7.155.256.132	182.618.058.956

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2009	43.923.939.971	353.101.365	4.653.288.059	888.108.851	594.441.062	50.412.879.308
Trích trong năm	5.717.506.884	3.101.323.175	1.089.681.591	365.499.143	128.448.036	10.402.458.829
Điều chỉnh khác	14.247.457	335.466.767	(35.279.594)	(68.619.012)	(245.815.618)	-
Tại ngày 31/12/2009	49.655.694.312	3.789.891.307	5.707.690.056	1.184.988.982	477.073.480	60.815.338.137

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2009	45.104.376.276	65.347.788.360	3.610.537.143	1.061.836.388	6.678.182.652	121.802.720.819
Tại ngày 31/12/2008	9.827.328.440	855.067.402	4.403.890.245	1.149.498.411	471.291.824	16.707.076.322

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN ĐỔ DÀNG

	2009	2008
	VND	VND
Số dư đầu năm	56.100.847.674	7.394.072.551
Tăng	80.484.870.868	53.536.486.362
Kết chuyển sang tài sản cố định	(113.809.711.480)	(4.829.711.239)
Số dư cuối năm	22.776.007.062	56.100.847.674
Trong đó		
- Công trình Xây dựng kho Đinh Vũ	-	53.050.511.047
- Công trình Tổng kho khí hóa lỏng Bắc Trung Bộ	10.465.070.386	1.462.296.774
- Công trình Trung tâm kiểm định Đà Nẵng	8.176.177.750	-
- Mở rộng sức chứa trạm nạp LPG Nam Định	1.046.803.878	-
- Mở rộng sức chứa trạm nạp LPG Đà Nẵng	1.377.231.565	-
- Công trình khác	1.710.723.483	1.588.039.853
	22.776.007.062	56.100.847.674

Tổng số chi phí lãi vay trong năm 2009 đã được vốn hóa vào giá trị công trình xây dựng cơ bản là 1.136.676.306 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Hoạt động chính của các công ty con của Công ty là kinh doanh khí hóa lỏng. Thông tin chi tiết về các công ty con tại ngày 31/12/2009 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Vốn góp tại ngày 31/12/2009
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Hà Nội	Hà Nội	100	100	25.000.000.000
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Nam Định	Nam Định	100	100	19.000.000.000
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	Đà Nẵng	100	100	7.000.000.000
				51.000.000.000

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Tỷ lệ vốn	31/12/2009	31/12/2008
		VND	VND
Uý thác đầu tư tại PVFC		5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp PVFC Invest (*)	15%	49.500.000.000	49.500.000.000
	5%	25.000.000.000	25.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị (**)	17%	-	25.500.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	10%	10.000.000.000	10.000.000.000
Hợp tác kinh doanh với Công ty CP Hóa dầu Quân đội	33%	1.198.924.800	1.198.924.800
		90.698.924.800	111.198.924.800
Trừ: Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(10.000.000.000)	-
Đầu tư dài hạn		80.698.924.800	111.198.924.800

(*) Công ty đang sở hữu 2.500.000 cổ phần theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Đầu khí Việt Nam (PVFC Invest) với số tiền 25 tỷ VND, tương đương với 5% vốn góp. Tại ngày 31/12/2009, Công ty đã tạm trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư này với giá trị 10.000.000.000 VND (31/12/2008: 0 VND). Theo báo cáo tài chính chưa được kiểm toán tại ngày 31/12/2009, vốn chủ sở hữu của PVFC Invest bằng 48,32% vốn điều lệ. Theo đó khoản dự phòng phải trích lập bổ sung căn cứ vào báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của PVFC Invest tại ngày 31/12/2009 cho khoản đầu tư dài hạn này là khoảng 12,9 tỷ VND (31/12/2008: 12,36 tỷ VND). Nếu Công ty trích lập dự phòng theo số liệu chưa được kiểm toán của PVFC Invest tại ngày 31/12/2009 thì khoản đầu tư dài hạn và lợi nhuận trong năm 2009 sẽ giảm đi một khoảng tương ứng là 2,9 tỷ VND (2008: 12,36 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không điều khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn liên quan đến PVFC Invest do Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính đã được kiểm toán của PVFC Invest cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 và 31/12/2008.

(**) Toàn bộ cổ phần của Công ty trong Công ty cổ phần Gas Đô thị đã được chuyển nhượng cho Tổng công ty Khí Việt Nam theo giá gốc theo Nghị quyết số 66/NQ-KVN ngày 08/07/2009 của Tổng công ty Khí Việt Nam và hợp đồng chuyển quyền sở hữu cổ phần số 99/2009/PVGAS/TC-PVGASN ngày 14/07/09 giữa Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc và Tổng công ty Khí Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá các khoản đầu tư dài hạn còn lại khác và xác nhận không có dấu hiệu suy giảm trọng yếu tại ngày 31/12/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2009 VND	2008 VND
Số dư đầu năm	118.414.381.601	105.004.882.108
Tăng thêm trong năm	30.792.997.306	25.588.436.641
Phân bổ vào chi phí trong năm	(17.313.568.347)	(12.060.417.148)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(118.520.000)
Số dư cuối năm	131.893.810.560	118.414.381.601

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.873.583	-
Thuế nhập khẩu	1.413.312.178	461.765.762
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.540.808.227	85.965.114
Thuế thu nhập cá nhân	315.793.096	266.300.865
Các loại thuế khác	78.416.508	30.434.257
3.350.203.592	844.465.998	

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	4.008.154.992	18.113.440.619
Khác	759.520.387	3.276.782.659
4.767.675.379	21.390.223.278	

Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm:

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Lợi nhuận phải nộp từ 01/04/2006 đến 30/06/2007 và khác	-	14.105.285.628
Lãi nộp chậm tiền thu cổ phần hóa phải trả	4.008.154.992	4.008.154.991
4.008.154.992	18.113.440.619	

17. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác phản ánh khoản ký quỹ vỏ bình gas nhận được. Biến động về khoản tiền ký quỹ vỏ bình gas nhận được trong năm như sau:

	2009 VND	2008 VND
Số dư đầu kỳ	47.675.799.415	44.449.820.104
Nhận ký cược vỏ bình gas trong năm	17.040.289.009	10.273.914.980
Kết chuyển vào doanh thu	(8.361.375.239)	(7.047.935.669)
Số dư cuối kỳ	56.354.713.185	47.675.799.415

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN BẮC

Lầu 5, 6 Tòa nhà 59 Quang Trung
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các *thuyết minh* này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với *báo cáo tài chính hợp nhất* kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN**18. VAY DÀI HẠN**

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	150.000.000.000	150.000.000.000
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam (ii)	93.000.000.000	93.000.000.000
	243.000.000.000	243.000.000.000

- (i) Khoản vay từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với mục đích đầu tư cho dự án Tổng kho khí hóa lỏng Miền Bắc tại Đình Vũ, Hải Phòng và các dự án khác của Công ty. Khoản vay không có tài sản đảm bảo và không chịu lãi suất, có thời hạn 3 năm và sẽ đáo hạn vào ngày 06/04/2010.
- (ii) Khoản vay từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ủy thác qua Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với mục đích đầu tư cho dự án Tổng kho khí hóa lỏng Miền Bắc tại Đình Vũ, Hải Phòng và xây dựng cơ sở vật chất của Công ty với thời hạn 3 năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất 8,3%/năm, trong đó phí ủy thác quản lý vốn là 1,5%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 28/10/2011.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Trong vòng một năm	150.000.000.000	-
Trong năm thứ hai	93.000.000.000	150.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	93.000.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	150.000.000.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	93.000.000.000	243.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2008	135.000.000.000	-	412.309.852	412.309.852	5.930.457.606	141.755.077.310
Phát hành cổ phiếu tăng vốn	131.170.000.000	19.717.180.000	-	-	-	150.887.180.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	7.805.425.962	7.805.425.962
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(184.554.756)	(184.554.756)
Chi quỹ	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(5.400.000.000)	(5.400.000.000)
Giảm khác	-	(120.000)	-	-	(56.466.237)	(56.586.237)
Số dư tại ngày 01/01/2009	266.170.000.000	19.717.060.000	412.309.852	412.309.852	8.094.862.575	294.806.542.279
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	26.606.630.097	26.606.630.097
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(4.934.389.315)	(4.934.389.315)
Chi trả cổ tức (*)	-	-	-	-	(7.985.100.000)	(7.985.100.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(361.154)	(361.154)
Số dư tại ngày 31/12/2009	266.170.000.000	19.717.060.000	412.309.852	412.309.852	21.781.642.203	308.493.321.907

(*) Ngày 21/04/2009, Đại hội cổ đông Công ty đã phê duyệt việc phân chia cổ tức từ lợi nhuận giữ lại năm 2008 của Công ty mẹ và các Công ty con. Số cổ tức tạm chia cho các cổ đông là 7.985.100.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN BẮC

Lầu 5, 6 Tòa nhà 59 Quang Trung
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Chi tiết vốn điều lệ góp bởi cổ đông tại ngày 31/12/2009 như sau:

Tên cổ đông	Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2009		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2008	
	VND	%	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Khí Việt Nam	196,306,310,000	73.8	196,306,310,000	73.75	196,306,310,000	73.75
Các cổ đông khác	69,863,690,000	26.2	69,863,690,000	26.25	69,863,690,000	26.25
	266,170,000,000	100	266,170,000,000	100	266,170,000,000	100

20. DOANH THU

	2009 VND	2008 VND
Doanh thu bán gas công nghiệp	1.047.409.216.498	814.467.457.261
Doanh thu bán gas lẻ	481.021.846.933	468.948.661.797
Doanh thu từ ký quỹ vỏ bình gas	8.361.375.239	7.007.935.669
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	755.068.039	2.963.223.182
Doanh thu khác	1.169.757.089	644.097.693
	1.538.717.263.798	1.294.031.375.602

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2009 VND	2008 VND
Cổ tức được chia	17.567.550.000	21.983.400.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	22.291.353.000	24.684.063.412
Chênh lệch tỷ giá	518.645.385	792.238.207
Lãi bán hàng trả chậm	34.972.451	56.281.502
	40.412.520.836	47.515.983.121

Cổ tức được chia phản ánh khoản tạm ứng cổ tức năm 2009 và bổ sung cổ tức năm 2008 từ Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp theo Quyết định 02/TB-KTA ngày 01/12/2009 và Quyết định 14/TB-HĐQT ban hành ngày 26/06/2009.

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2009 VND	2008 VND
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	10.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	6.689.532.030	1.222.175.000
Chênh lệch tỷ giá	20.129.448.779	10.773.709.985
	36.818.980.809	11.995.884.985

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.606.630.097	7.805.425.962
	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Số bình quân giá quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	26.617.000	17.596.816
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.000	444

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày 31/12/2009, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.761.797.432	966.267.623
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	11.969.890.733	7.733.118.571
Sau năm năm	3.823.715.095	4.403.581.409
	17.555.403.260	13.102.967.603

25. CAM KẾT VỐN

Tại ngày 31/12/2009, Công ty có các cam kết vốn liên quan đến đầu tư tài sản cố định như sau:

	31/12/2009
	VND
Vốn đã được phê duyệt và chưa ký hợp đồng	291.048.694.739
Các hợp đồng đã ký	90.662.808.123

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DỰ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2009	2008
	VND	VND
Bán hàng hóa, dịch vụ		
Công ty CP Phát triển Gas Đô thị	9.119.538.556	2.637.644.515
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	3.549.042.624	-
Mua hàng và tài sản, dịch vụ		
Tổng công ty Khí Việt Nam	309.789.461.156	893.930.597.174
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	5.686.530.123	62.891.788
Ban quản lý Nhà máy lọc dầu Dung Quất	569.352.703.950	-
Khác		
Nhận tiền vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	-	93.000.000.000
Chi phí lãi vay - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	6.689.532.030	1.222.175.000
Thanh toán cổ tức cho Tổng Công ty Khí Việt Nam	5.889.189.300	3.965.784.400
Cổ tức được chia - Công ty CP Phân phối Khí Tháp áp	17.567.550.000	21.294.900.000
Cổ tức được chia - Công ty CP Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	-	688.500.000
Tiền thu từ cổ phần hóa đã nộp - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	14.105.285.627	104.376.847.323

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ ĐƯỚC VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Phải thu		
Công ty Phân phối Khí thấp áp	9.900.000.000	9.900.000.000
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam	93.440.331	35.175.000
Công ty CP Đầu tư phát triển Gas Đô thị	-	2.331.285.762
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	1.646.416.667	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	554.250.000	-
Phải trả		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	4.008.154.992	16.891.265.619
Tổng công ty Khí Việt Nam	118.705.544.120	172.440.951.431
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	1.505.513.103	62.891.788
BQLDA Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	230.993.861.616	-
Tổng công ty Phân đậm và Hóa chất Dầu khí	15.846.668.295	-
Khác		
Vay dài hạn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	150.000.000.000	150.000.000.000
Vay dài hạn - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	93.000.000.000	93.000.000.000
Ủy thác đầu tư và tiền gửi - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	150.000.000.000	60.000.000.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	2009	2008
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.401.611.792	1.138.936.066

27. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỐ

Tại ngày 12/01/2010, cổ đông của Công ty đã biểu quyết thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 266,170 tỷ đồng lên 350 tỷ đồng. Mục đích của đợt tăng vốn này là huy động vốn để đầu tư vào tổng kho khí hóa lỏng Bắc Trung Bộ, tổng kho Sản phẩm khí Đà Nẵng và bổ sung vốn lưu động. Việc tăng vốn dự kiến sẽ hoàn thành trong Quý 2/2010.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.
